

Số: /BC-UBND

Ninh Hải, ngày tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện cải cách hành chính 6 tháng năm 2023

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/03/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

##### 1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành:

Công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Đảng và Nhà nước quan tâm, thực hiện nhằm góp phần phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả chất lượng công tác cải cách hành chính của cán bộ, công chức. Đến nay, các hoạt động về cải cách hành chính huyện đã vào nề nếp, góp phần phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn trên địa bàn huyện.

Huyện ủy Ninh Hải đã triển khai, xây dựng Kế hoạch 163-KH/HU ngày 13/01/2023 triển khai thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 30/11/2022 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các quyết định, kế hoạch triển khai các lĩnh vực về cải cách hành chính, nhằm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị: Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 08/12/2022 thực hiện cải cách hành chính nhà nước huyện Ninh Hải năm 2023; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 14/01/2023 về phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 400/KH-UBND ngày 11/12/2022 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2023; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 20/01/2023 triển khai thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 30/11/2022 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch 48/KH-UBND ngày 08/02/2023 về việc kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023; Kế hoạch 202/KH-UBND ngày 15/05/2023 về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính huyện Ninh Hải năm 2023. Quyết định 706/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 kiện toàn Tổ Kiểm tra cải cách hành chính huyện Ninh Hải. Công văn 1038/UBND-NC ngày 03/03/2023 chấn chỉnh một số tồn tại trong công tác cải cách hành chính năm 2022 và tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong năm 2023;

Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đã ban hành các kế hoạch triển khai, thực hiện các chỉ số cải cách hành chính như: Kế hoạch 29/KH-UBND ngày 17/01/2023 triển khai thực hiện, xác định, nâng cao Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp địa phương (chỉ số DDCI) trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2023; Kế hoạch 131/KH-UBND ngày 29/03/2023 triển khai thực hiện nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả hành chính công (PAPI), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (DDCI) trên địa bàn huyện.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện đã tích cực, chủ động triển khai công tác cải cách hành chính năm 2023 trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2023 và thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch.

Tính tới thời điểm ngày 23/5/2023 số bài viết được đăng trên trang thông tin điện tử huyện là 510 tin, bài; số lượt truy cập tính tới thời điểm ngày 25/5/2023 là: 14.141 lượt;

- Ngoài ra, về công tác tiếp công dân:

Đối với UBND huyện: Chủ tịch UBND huyện tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân huyện là 12 lượt/3 người. Lãnh đạo UBND huyện tiếp đột xuất 05 lượt/05 người; công chức tiếp công dân tại huyện 38 lượt/38 người; không có đoàn đông người.

Đối với UBND xã: Chủ tịch UBND các xã trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã là 216 lượt /6 người; Công chức được phân công tiếp công dân tại xã 80 lượt/ 87 người; không có đoàn đông người.

Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tiếp nhận trong kỳ 146 đơn. Trong đó cấp huyện 64 đơn; cấp xã: 82 đơn. Số đơn đã xử lý 140 đơn (Huyện: 58; Xã: 82). Số đơn đủ điều kiện thụ lý 140/146 vụ việc (Huyện: 58/64 vụ việc; Xã: 82/82 vụ việc). Đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết 06 đơn đã chuyển các cơ quan giải quyết.

Đối với tiến độ thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của huyện trong 6 tháng đầu năm 2023, đến nay đã thực hiện 23/33 nhiệm vụ đạt 67% nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao: UBND huyện đã thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/04/2023, UBND huyện Ninh Hải được giao 35 nhiệm vụ, đã hoàn thành đúng thời hạn 35/35 nhiệm vụ đạt 100%.

Về công tác kiểm tra: Tổ kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính huyện đã tổ chức kiểm tra đột xuất 01 đợt tại 04 địa phương (xã Thanh Hải, xã Tân Hải, xã Vĩnh Hải, xã Nhơn Hải). Qua kiểm tra vẫn còn một số trường hợp công chức chưa chấp hành

nghiêm giờ giấc làm việc (*Xã Tân Hải<sup>1</sup> 02/21 cán bộ công chức; chiếm tỷ lệ 9,5%*), UBND xã đã tổ chức kiểm điểm xếp loại C trong tháng 2/2023 (*theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 22/2/2023 của UBND xã Tân Hải*); không có trường hợp vi phạm về uống rượu, bia hoặc các loại đồ uống khác có nồng độ cồn tương đương; qua đó, UBND huyện đã ban hành văn bản chấn chỉnh, tăng cường thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức sau đợt kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính. UBND huyện đã ban hành Thông báo chỉ đạo tổ chức tiến hành kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã Xuân Hải; qua kết quả kiểm tra, tập thể và cá nhân UBND xã Xuân Hải đã tổ chức kiểm điểm xếp loại C tháng 5/2023 (*Công văn 3002/UBND-VX ngày 26/5/2023 của UBND huyện*).

Trong cuộc họp giao ban định kỳ, sinh hoạt ngày pháp luật Lãnh đạo UBND huyện đã quán triệt, phổ biến tinh thần chỉ đạo của cấp trên về các nội dung đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung. Đồng thời chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn kịp thời quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm giờ giấc làm việc, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện nếu có cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình vi phạm. Qua đó, tác động, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC:**

### **1. Cải cách thể chế**

*- Kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:*

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 12/01/2023 rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2023; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/01/2023 kiểm tra văn bản QPPL trên địa bàn huyện Ninh Hải năm 2022.

Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 14/01/2023 kết quả tự kiểm tra văn bản do UBND huyện ban hành từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022.

UBND huyện đã xây dựng và ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật (*Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và Văn phòng HĐND và UBND*).

*- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:*

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 17/01/2023 theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Ninh Hải.

*- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:*

---

1 Vi phạm KLKC HC về giờ giấc làm việc: Nguyễn Đình Tường, công chức VH-XH xã Tân Hải – 07h19p; Nguyễn Hoàng Phương Nhạn, công chức TC-KT – 07h11p.

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 34/KH-HĐPHBPGDPL ngày 29/01/2023 hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện Ninh Hải năm 2023; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 02/02/2023 phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

## 2. Cải cách thủ tục hành chính

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 về kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện; Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 về thành lập Tổ hướng dẫn người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn huyện.

UBND huyện tiếp tục tăng cường thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích.

*- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, thực hiện công khai thủ tục hành chính:*

Việc công bố thủ tục hành chính, UBND huyện không có thẩm quyền ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính.

Về Công khai thủ tục hành chính: Các TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công bố danh mục TTHC, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện triển khai đến các phòng ban và UBND các xã, thị trấn có liên quan biết tổ chức niêm yết công khai, kịp thời, đầy đủ; đồng thời đăng tải đầy đủ trên trang Thông tin điện tử của huyện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp truy cập, tìm hiểu và thực hiện TTHC<sup>2</sup>. Tổng số

<sup>2</sup>Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trên lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 08/5/2022 và Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản

TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương **382** TTHC (cấp huyện 274 TTHC, cấp xã 108 TTHC). Tổng Số DVC trực tuyến cấp huyện **263** Dịch vụ trực tuyến (toàn trình 68, một phần 195); Số DVCTT cấp xã **93** Dịch vụ trực tuyến (toàn trình 21, một phần 72).

*- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC):*

Tại Bộ phận một cửa huyện bố trí máy vi tính thực hiện điểm hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; mỗi xã, thị trấn đã thành lập điểm thực hiện dịch vụ công nhằm tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, công dân nộp hồ sơ qua mạng. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Các hồ sơ được tiếp nhận và thực hiện luân chuyển từ xã đến huyện theo trình tự, thủ tục quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức. Số TTHC liên thông cùng cấp 126 thủ tục, số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền 63 thủ tục.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện thống kê hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trên hệ thống một cửa của huyện (từ ngày 26/10/2022 đến 25/5/2023): **13.474** hồ sơ. Trong đó hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của các phòng chuyên môn thuộc huyện: **1.639** hồ sơ; Hồ sơ lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai: **4.901** hồ sơ; hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của các xã, thị trấn **6.934** hồ sơ. Cụ thể:

Các phòng chuyên môn thuộc huyện: đã giải quyết đúng hạn, trước hạn **1.538** hồ sơ, đạt 93,8%, đang giải quyết trong hạn **87** hồ sơ, đạt 5,3%, trễ hạn **14** hồ sơ, chiếm 0,9%. Trong đó, Hồ sơ giải quyết trực tuyến **565** hồ sơ, không có hồ sơ trễ hạn đạt 100%.

Các xã, thị trấn: đã giải quyết trước hạn, đúng hạn **6.877** hồ sơ, đạt 99,2%; đang giải quyết trong hạn **19** hồ sơ, đạt 0,3%, trễ hạn **32** hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,5%. Trong đó, Hồ sơ giải quyết trực tuyến **5.915** hồ sơ, không có hồ sơ trễ hạn đạt 100%.

Văn phòng Đăng ký đất đai: đã giải quyết đúng hạn, trước hạn **4.512** hồ sơ, đạt 92%; đang giải quyết trong hạn **320** hồ sơ, đạt 7%, trễ hạn **44** hồ sơ, chiếm 1%. Trong đó, Hồ sơ giải quyết trực tuyến **17** hồ sơ.

*- Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính:* Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 382 TTHC (cấp huyện: 274 TTHC, cấp xã 108 TTHC). Tổng Số DVC trực tuyến cấp huyện 263 Dịch vụ trực tuyến (toàn trình 68, một phần 195); Số DVCTT cấp xã 93 Dịch vụ trực tuyến (toàn trình 21, một phần 72).

- *Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân tổ chức liên quan đến quy định TTHC*: Công tác tiếp nhận và xử lý các hồ sơ trực tuyến được gửi từ Cổng dịch vụ công Quốc gia được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả và đúng tiến độ, trình tự thủ tục giải quyết hồ sơ. Trong 6 tháng đầu năm, tiếp nhận 01 trường hợp phản ánh, kiến nghị liên quan lĩnh vực đất đai và đã trả lời cho công dân theo quy định.

- *Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.*

Thực hiện Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trên cơ sở đó UBND huyện đã ban hành kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện năm 2023, trong đó giao chỉ tiêu thực hiện cho từng cơ quan, đơn vị đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị. Qua theo dõi trên hệ thống Dịch vụ công các phòng ban chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công. Phân công thành viên Tổ hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện DVC trực tại Bộ phận Một cửa để tiếp nhận, hướng dẫn công dân nộp hồ sơ trực tuyến; bố trí máy vi tính, máy scan thực hiện điểm hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; mỗi xã, thị trấn đã thành lập điểm thực hiện dịch vụ công nhằm tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, công dân nộp hồ sơ qua mạng. Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến thuộc các phòng thuộc huyện 565 hồ sơ (*không tính hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Hải tiếp nhận*), cấp xã 5.915 hồ sơ; không có hồ sơ trực tuyến trễ hẹn, đạt 100%.

Các xã, thị trấn đã ban hành Quyết định thành lập Tổ hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công tại Bộ phận Một cửa, do đó từ đầu năm 2023 đến nay số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến tăng 100% so cùng kỳ năm 2022. Đặc biệt đối với các TTHC thuộc 25 dịch vụ công thiết yếu thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã được thực hiện tiếp nhận và giải quyết 100% trên môi trường mạng (riêng thủ tục thuộc lĩnh vực đất đai do Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận, giải quyết còn đạt thấp).

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 14/11/2022 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025. Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đã ban hành Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Ninh Hải; Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 31/12/2022 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 của UBND huyện Ninh Hải.

### **3. Cải cách tổ chức, bộ máy hành chính**

*- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương:*

Đối với đơn vị sự nghiệp: Sau khi điều chuyển Trung tâm Y tế huyện trực thuộc UBND huyện quản lý; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương:*

Đến nay, UBND huyện đã sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực: Gọn về tổ chức bộ máy, tổ chức biên chế, từng vị trí việc làm, từng công việc chuyên môn phụ trách và đạt hiệu quả rõ nét, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cũng như tình hình thực tế của từng địa phương. Trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập công tác quản lý nhà nước các đơn vị sự nghiệp tốt hơn, hiệu quả cao hơn và phát huy hiệu quả của công việc.

Đối với cơ quan hành chính: trong 6 tháng đầu năm 2023 UBND huyện đã ban hành 02 *Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Văn phòng HĐND và UBND; Đồng thời, tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị còn lại (Thanh tra huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) theo đúng hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương;*

Đối với cơ quan hành chính: Nghị quyết số 333/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thành lập Văn phòng HĐND và UBND huyện Ninh Hải (*bắt đầu hoạt động từ ngày 01/01/2023*).

Đối với đơn vị sự nghiệp: Sau khi điều chuyển Trung tâm Y tế huyện trực thuộc UBND huyện quản lý; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*- Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:*

Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 175-KH/TU ngày 19/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, sử dụng biên chế hệ thống chính trị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch số 159-KH/HU ngày 11/01/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc quản lý, sử dụng biên chế của hệ thống chính trị huyện giai đoạn 2022-2026; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 13/02/2023 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 159-KH/HU ngày 11/01/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Trong giai đoạn 2022-2026, tiếp tục thực hiện tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

+ Về biên chế hành chính khối chính quyền: Năm 2023 số biên chế là 84 biên chế. Tổng số biên chế hành chính khối chính quyền giai đoạn 2022-2026 (đến hết năm 2026) của huyện là 81 biên chế công chức, giảm 04 biên chế so với năm 2022.

+ Về biên chế sự nghiệp: Năm 2023 số biên chế là 1.318 biên chế. Tổng số biên chế sự nghiệp khối sự nghiệp giai đoạn 2022-2026 (đến hết năm 2026) của huyện là 1.231 biên chế viên chức, giảm 115 biên chế viên chức so với năm 2022.

+ Về biên chế cán bộ, công chức cấp xã, tổng biên chế cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022-2026 của huyện là 181 biên chế.

- *Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền:*

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND huyện đã có Công văn số 351/UBND-NC ngày 27/01/2023 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu về việc triển khai Quyết định số 12/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

UBND huyện đã ban hành Công văn 3040/UBND-VX ngày 29/5/2023 triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo tại Công văn số 1920/UBND-VXNV ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị. Nhằm tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động, hiệu lực, hiệu quả”.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ, công chức**

- *Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:*

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức. Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp

công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ (các Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2023);

Thực hiện Công văn số 503/UBND-VXNV ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân tỉnh về việc triển khai thực hiện các Thông tư của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Theo đó, nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trên địa bàn huyện được hiệu quả, theo đúng quy định pháp luật hiện hành; Ủy ban nhân dân huyện đã có Công văn số 753/UBND-VX ngày 19/02/2023 V/v triển khai thực hiện theo Công văn số 503/UBND-VXNV ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

*- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức:*

Đối với cấp huyện: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 23/02/2023 về việc sơ tuyển tiếp nhận vào làm công chức cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải năm 2023. Theo đó, nội dung sơ tuyển với số lượng 02 chỉ tiêu, trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật và Tài chính – Ngân hàng.

*- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:*

Trong 6 tháng đầu năm, UBND huyện đã điều động 05 công chức cấp huyện, 07 cán bộ quản lý trường học (trong đó phân công phụ trách 01 cán bộ); bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện 02 trường hợp; bổ nhiệm lại 11 Cán bộ quản lý sau khi thông qua đánh giá Chương trình hành động; giải quyết thôi việc theo nguyện vọng 01 công chức; UBND huyện cũng đã ra Quyết định thi hành kỷ luật cách chức 02 trường hợp<sup>3</sup>;

Quyết định bổ nhiệm Chính trị viên BCH Quân sự (xã Nhơn Hải, xã Phương Hải). Quyết định bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự xã Phương Hải; Quyết định miễn nhiệm chính trị viên BCH Quân sự xã Thanh Hải, Phương Hải. Quyết định điều động, bố trí 07 công chức xã; Quyết định biệt phái 02 công chức xã về huyện; Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung Chủ tịch UBND xã Tân Hải, Thanh Hải. Quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã Thanh Hải khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với Chủ tịch Hội Nông dân xã Vĩnh Hải. Quyết định thi hành kỷ luật 01 trường hợp, khiển trách 02 trường hợp<sup>4</sup>.

*- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023:*

Hàng năm, UBND huyện triển khai rà soát nhu cầu đăng ký đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cán bộ, công chức cấp xã). Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên

<sup>3</sup> Quyết định thi hành kỷ luật<sup>3</sup> cách chức 02 trường hợp: đối với ông **Trần Anh Tuấn** - Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng; ông **Trần Duy Dũng** - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

<sup>4</sup> Kỷ luật cách chức 01 trường hợp: đối với ông **Trần Kim Vương** - Chủ tịch UBND xã Tân Hải; khiển trách 02 trường hợp: ông **Nguyễn Văn Trọng** - Phó Chủ tịch UBND xã Tân Hải; ông **Nguyễn Chia Sẵn** – Công chức Địa chính-Nông nghiệp-xây dựng-nông nghiệp.

chức năm 2023; Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 26/02/2023 về việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 thuộc phạm vi quản lý.

UBND huyện đã đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp Sở, cấp huyện và tương đương 01 lãnh đạo huyện; lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN về kinh tế (11 người); lớp bồi dưỡng tiếng Raglai (01 người); tiếng Chăm - năm 2023 (06 người); lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên chính (09 người), Chuyên viên (11 người). Lớp bồi dưỡng kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế (1 người).

## 5. Cải cách tài chính công

*- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách:*

Thực hiện và hoàn thiện các cơ chế tài chính, trong đó có cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đã ban hành Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 Ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định 422/QĐ-UBND ngày 09/1/2023 về việc giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước năm 2023.

Trên cơ sở được giao nguồn kinh phí tự chủ, đơn vị đảm bảo nguồn chi theo các nguyên tắc: Chi không vượt mức chế độ hiện hành do cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định. Phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị trên cơ sở kế hoạch các nhiệm vụ được giao trong năm. Đảm bảo cho cơ quan và cán bộ công chức đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các khoản chi tiêu đảm bảo có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ, hợp pháp không vượt quá chế độ chi quy định và phải phù hợp với hoạt động của đơn vị theo quy định. Các văn bản về quản lý tài chính, tài sản được xây dựng hoàn chỉnh, kinh phí sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. Văn phòng phẩm, điện, nước cân đối hợp lý, tiết kiệm tối đa chi nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công (bao gồm vốn CTMTQG và vốn đầu tư được phép kéo dài năm 2022) đến ngày 31/5/2023 với tổng vốn là **122.501** triệu đồng. Trong đó, kế hoạch vốn năm 2023: 120.053 triệu đồng, bao gồm vốn Chương trình MTQG là 14.699 triệu đồng; Kế hoạch vốn được phép kéo dài năm 2022: 2.448 triệu đồng (Chương trình MTQG là 1.361 triệu đồng). Việc thực hiện giải ngân đến ngày 31/5/2023 là 25.268 triệu đồng/122.501 triệu đồng đạt 21% so với kế hoạch, 25.268 triệu đồng/37.735 triệu đồng đạt 67% so với thông báo vốn đã bố trí (Công văn 3181/UBND-KT ngày 4/6/2023 của UBND huyện).

*- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:*

UBND huyện Ninh Hải ban hành Quyết định 1014/QĐ-UBND ngày 04/9/2021 về ban hành quy chế QL sử dụng TS công thuộc phạm vi Ninh Hải. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính, tài sản; tất cả các cơ quan, đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với chỉ tiêu đúng quy định của Nhà nước; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí. Qua đó đã thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công; thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, tiết kiệm kinh phí góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, nâng cao hiệu quả công việc.

Nhìn chung, công tác quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị được giao quản lý, sử dụng thực hiện theo đúng quy định.

- *Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị SN công lập:* Huyện đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023.

Các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên 01 Đơn vị (Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng); ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên 03 Đơn vị (Trung tâm văn hóa Thể thao và Truyền thanh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm Y tế); ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên 42 Đơn vị (41 trường học; Trung tâm Chính trị huyện).

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính quyền số**

- *Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương:* Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử. Nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch 415/KH-BCĐ ngày 29/12/2022 về triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn huyện Ninh Hải; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 31/3/2023 về Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn huyện Ninh Hải; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 14/01/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý và sử dụng mạng máy tính nội bộ; Trên địa bàn huyện đã thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng tại 09/09 xã, thị trấn và **50/50** thôn, khu phố đạt tỷ lệ 100%.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến hoạt động ổn định; chất lượng và đường truyền, hình ảnh, âm thanh đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ các cuộc họp trực tuyến do Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

- *Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ Trang thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến:* Việc cung cấp thông tin lên Trang Thông tin điện tử được UBND huyện đặc biệt chú trọng, các văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản quy phạm pháp luật mới được cập nhật thường xuyên, minh bạch đảm bảo theo đúng Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

*Hệ thống thư điện tử:* UBND huyện ban hành các văn bản, thường xuyên đôn đốc các ngành, địa phương tăng cường trao đổi văn bản điện tử góp phần thực hiện tốt Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 21/2012/CT-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình sử dụng hệ thống thư điện tử.

- *Hệ thống chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD.Office):* Việc vận hành, khai thác và sử dụng phần mềm TD.Office được cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách sử dụng thành thạo, hiệu quả làm việc chuyển biến rõ nét; Đến nay, 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã sử dụng chứng thư số và thực hiện ký số trên văn bản theo quy định.

Việc sử dụng phần mềm TD.Office đã mang lại nhiều tiện ích đối với công tác quản lý, điều hành và tác nghiệp của các cơ quan Nhà nước. Lãnh đạo, chuyên viên biết được công việc cần xử lý, các công việc đang theo dõi; thuận tiện trong tra cứu thông tin, tài liệu; kiểm soát được công việc một cách chặt chẽ, cải tiến tốc độ xử lý công việc, theo dõi và đánh giá dễ dàng công việc, chuẩn hóa được các quy trình công việc; nâng cao hiệu quả xử lý công việc (giảm thời gian xử lý, trao đổi), tăng năng suất lao động; giải quyết kịp thời các bế tắc trong quy trình xử lý công việc, theo dõi được tất cả các hoạt động trong quy trình xử lý công việc, đảm bảo tính liên thông dữ liệu, giảm tối đa các rủi ro; điều hành tập trung và giúp ra quyết định nhanh; tiết kiệm chi phí thư tín, điện thoại, in ấn sao chép, không gian lưu trữ; hướng đến một hệ thống thông tin đồng nhất.

- *Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:* Phối hợp Bưu điện huyện Ninh Hải thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định. Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến người dân và doanh nghiệp về cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của huyện; hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tìm kiếm, khai thác thông tin chính thông qua Trang thông tin điện tử UBND huyện.

Thủ tục hành chính chỉ tiếp nhận và giải quyết bằng hình thức trực tuyến gồm 02 TTHC: thủ tục khen thưởng đột xuất của lĩnh vực thi đua khen thưởng và thủ tục hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội.

- *Áp dụng ISO trong hoạt động các cơ quan, đơn vị*

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 01/3/2023 của UBND huyện về Triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước huyện Ninh Hải năm 2023.

Tiếp tục duy trì việc áp dụng chữ ký số để phát hành văn bản điện tử, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động cơ quan hành chính. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị địa phương tích cực đẩy mạnh thực hiện việc ứng

dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, quản lý, giải quyết công việc hành chính nhà nước, phát triển chính quyền số năm 2022.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực**

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, triển khai đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát CCHC được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch. UBND huyện đã phổ biến, triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn về công tác Cải cách hành chính trên địa bàn huyện và thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Cải cách hành chính theo kế hoạch đã đề ra trong năm. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú đã giúp nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành tích cực tham gia công tác tuyên truyền CCHC.

Hiệu quả sử dụng, quản lý và đào tạo đội ngũ công chức, viên chức được nâng cao, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã từng bước được chuẩn hóa; lề lối làm việc, ý thức trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức có chuyển biến so với trước, thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, kiểm soát; công nghệ thông tin tiếp tục được quan tâm đầu tư; mô hình thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” ngày càng hoàn thiện và phát huy hiệu quả phục vụ tốt hơn nhu cầu của tổ chức và công dân.

UBND huyện đã tập trung đẩy mạnh thực hiện giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử đảm bảo theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ nhằm đạt chỉ tiêu được giao về thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực để tái sử dụng theo quy định (*trang bị máy scan, máy vi tính có kết nối mạng để người dân có nhu cầu truy cập sử dụng dịch vụ và nộp hồ sơ trực tuyến*).

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến và tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích đã được triển khai, tuyên truyền thực hiện đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, người dân trên địa bàn huyện. Tuy nhiên tỷ lệ đạt được vẫn còn thấp.

#### **3. Nguyên nhân**

Trình độ sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân chưa đảm bảo để thực hiện nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công; việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến đòi hỏi người dân phải đăng ký tài khoản, thông tin chính chủ trên hệ thống, qua nhiều giai đoạn do đó có thời gian truy cập, đăng nhập tài khoản; có thói quen nộp hồ sơ trực tiếp; việc tiếp xúc với máy vi tính còn lúng túng do đó chủ yếu cán bộ, công chức vừa thực hiện vừa hướng dẫn cho người dân, điều này làm mất thời gian của cán bộ công chức khi giải quyết hồ sơ. Người dân còn ngại làm thất lạc hồ sơ, giấy tờ cá nhân trong quá trình luân chuyển khi nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI.**

### **1. Về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 11/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 30/11/2022 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính, nhất là kiểm tra đột xuất việc giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã, Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện; xử lý nghiêm minh, kịp thời tập thể, cá nhân vi phạm trách nhiệm thực thi công vụ, giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt là trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 đối với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

Triển khai đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung theo Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 đã đề ra. Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng. Thúc đẩy sáng kiến, giải pháp cải tiến trong công tác CCHC góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

### **2. Về cải cách thể chế**

Tiếp tục thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã. Đẩy mạnh các hình thức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực thi pháp luật ở các cơ quan, đơn vị, thực hiện đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

### **3. Về cải cách thủ tục hành chính**

Tăng cường theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cũng như việc thực hiện tròn quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông trên môi trường mạng; hạn chế hồ sơ trễ hẹn, tồn đọng, phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục hướng dẫn đến các phòng ban huyện, các địa phương chưa có hồ sơ phát sinh trực tuyến trên môi trường mạng nhằm đẩy mạnh nâng cao số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến của huyện đạt chỉ tiêu giao. Tăng cường thông tin tuyên truyền người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ

3, 4 trong quá trình giao dịch nộp hồ sơ thủ tục hành chính sẽ được ưu tiên giải quyết sớm, trước hẹn.

Đẩy mạnh việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính rà soát lại tất cả thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình chưa đưa vào giải quyết trên môi trường mạng, khẩn trương thực hiện ngay nhằm để đảm bảo 75% hồ sơ phát sinh giải quyết (cấp huyện và cấp xã) và 75% hồ sơ phát sinh trực tuyến đối với cấp huyện, 50% hồ sơ phát sinh trực tuyến đối với cấp xã. (*theo chỉ tiêu giao tại Quyết định số 245 của UBND tỉnh*).

Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC, hạn chế hồ sơ trễ hẹn, tồn đọng.

#### **4. Cải cách tổ chức bộ máy**

Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Tiếp tục giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện (nâng lương định kỳ, bổ nhiệm ngạch, chuyển xếp lương, chế độ nghỉ phép...).

#### **5. Cải cách công vụ**

Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; xem đây là khâu đột phá quan trọng nhất của công tác cải cách hành chính, là nhiệm vụ then chốt để vận hành, thúc đẩy các trục nội dung còn lại trong công tác cải cách hành chính.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (*ngay sau khi có hướng dẫn của Trung ương và các Bộ ngành liên quan*) làm căn cứ để tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức gắn với xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cụ thể đối với từng ngành, lĩnh vực, loại hình công việc và vị trí công tác.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

#### **6. Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, Chính phủ số**

Tiếp tục duy trì việc áp dụng chữ ký số để phát hành văn bản điện tử, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động cơ quan hành chính.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị địa phương tích cực đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, quản lý, giải quyết công việc hành chính nhà nước, phát triển chính quyền số năm 2023.

### **7. Cải cách tài chính công**

Tiếp tục thực hiện đầy đủ có hiệu quả Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong tài chính công. Thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: không.**

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới của UBND huyện Ninh Hải./.

#### ***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ (b/c);
- CT, PCT. UBND huyện;
- Trang tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, PNV.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Minh Thái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Hải, ngày tháng 06 năm 2023

**PHỤ LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ... /6/2023 của UBND huyện)

**PHỤ LỤC 1 - PHÒNG NỘI VỤ PHỤ TRÁCH**

**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	26	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số Cơ quan, địa phương đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>4.</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b> (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ tỉnh giao, (huyện giao: đối với cấp xã, thị trấn)</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	35	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	35	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	

**PHỤ LỤC 2 - PHÒNG TƯ PHÁP PHỤ TRÁCH**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản	02	
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	02	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	02	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

**PHỤ LỤC 3 - VĂN PHÒNG CẤP ỦY VÀ CHÍNH QUYỀN PHỤ TRÁCH**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	382	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	274	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	108	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	126	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	63	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các cơ quan, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,1%	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	13.048	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	12.927	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.552	(1.639 hs-87hs)
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1.538	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,5%	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	6.915	(6.934 hs-19 hs)
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	6.877	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
<b>4.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
4.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
4.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	274	
4.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	274	
4.4.3.	Số TTHC <b>đang</b> cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	08	
4.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	97	
4.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	266	QĐ 1105 của tỉnh năm 2020
4.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	266	
4.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	08	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	30	
4.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	274	
4.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên CổngDVC quốc gia	Thủ tục	199	
4.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	23,5%	
4.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	13.474	
4.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	6.480	Huyện 565 hs, xã 5.915 hs
4.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
4.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,..)	Thủ tục	0	
4.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	

**PHỤ LỤC 4 - PHÒNG NỘI VỤ PHỤ TRÁCH**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Ban	1	BQL dự án
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	3	TT VH, TTQĐ, TTYté;
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	20	Năm 2015 là 5 đvsn, giảm 1 đvsn VPĐKQSDĐ còn 4 đvsn: (2015: TTVHHT; Đài truyền thanh; TTPTQĐ; BQLDA; VPĐKQSDĐ) so với năm 2023 (TTVHHT&TT; TTPTQĐ; BQLDA; TTYté)
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			

2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	84	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	76/84	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	9,7	84/93
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	206	TTYTé: 186; TTVHTT&TT: 15; TTPTQĐ:5
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	185	TTYTé: 167/186; TTVHTT&TT: 14/15 Mai Hoan chuyên ct; TTPTQĐ:4/5
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	13,04	2015: TTVH: 11; ĐÀI 6; TTQĐ: 6 So với 2023 (TTVHTT&TT: 15; TTPTQĐ: 5)

**PHỤ LỤC 5 - PHÒNG NỘI VỤ PHỤ TRÁCH**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	Q1 (TTVH, TTQĐ)
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	Xã Phương: Mai Thành Nghiên- CHTQS
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	6	(TTYT)
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

**PHỤ LỤC 6 - PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH PHỤ TRÁCH**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	122.501	Công văn 3181/UBND-KT ngày 4/6/2023 của UBND huyện
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	25.268	giải ngân đến ngày 31/5/2023 đạt 21% so với KH
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	3	TT quỹ đất; TT VHHT, TTYT
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	Ban QL nhà nước
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	3	TT quỹ đất; TT VHHT, TTYT
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	2	TT quỹ đất; TT VHHT
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	1	TTYT tự đảm bảo 69%
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	42	41 Trường học; 01 TT chính trị huyện
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

**PHỤ LỤC 7 - PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		Của Tỉnh làm, đã phối hợp nâng cấp lên 2.2
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	VP HĐND và UBND quản lý
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		Của Tỉnh, phối hợp tỉnh
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%	100	Trừ văn bản mật

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		

---